

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT [TỔNG HỢP TIẾNG TRUNG NÂNG CAO]

Mã học phần: CAG33041 – Số tín chỉ: 04

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành: Anh-Trung

Điều kiện tiên quyết: Tổng hợp tiếng Trung 3

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

1. Thông tin chung về học phần

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ Anh-Trung trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt và khả năng thích ứng cao để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

Học phần tổng hợp tiếng Trung nâng cao góp phần đạt chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của CCĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung trường Đại học QL và CN Hải Phòng.

Học phần Tổng hợp tiếng Trung nâng cao nhằm giúp người học:

- G1: Nắm vững kiến thức ngữ âm tiếng Hán, có khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu các bài đọc.
- G2: Có kiến thức từ vựng phong phú theo các chủ đề, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, hiểu ý nghĩa của các câu ngắn ngữ, thành ngữ, danh ngôn tiếng Hán trong học phần.
- G3: Nắm vững và sử dụng chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp được học để vận dụng đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan.
- G4: Vận dụng tốt bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, biết cách đặt câu, nối câu, dựng đoạn để có đoạn văn hoàn chỉnh; kể lại sự việc; có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau,...
- G5: Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.
- G6: Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.
- G7: Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.

2. Chữ viết tắt: G= mục tiêu; a=CĐR kiến thức; b=CĐR kỹ năng; c=CĐR năng lực tự chủ

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ Anh-Trung trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng sau khi học xong học phần Tổng hợp Tiếng Trung 4 phải đạt những tiêu chuẩn sau:

3.1. Kiến thức

- a1: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu; giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên – phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên v.v.; hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.
- a2: Sử dụng thành thạo cả bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 4

3.2. Kỹ năng

- b1: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm.
- b2: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập.
- b3: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.
- b4: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin ở mức độ cơ bản.

3.3. Phẩm chất, thái độ

- c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.
- c2: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.
- c3: Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- c4: Tôn trọng thầy cô và bạn bè. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá. Thái độ làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, biết quản lý, sắp xếp thời gian để hoàn thành công việc đúng hạn, chịu được áp lực công việc và đảm bảo chất lượng công việc..

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính

[4.1.1]. Trần Thị Thanh Liêm; Giáo trình Hán ngữ tập 2 – quyển hạ; NXB Đại học sư phạm, 2003. (kèm đĩa CD)

4.2. Tài liệu tham khảo

[4.2.1]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. Sổ tay người học tiếng Hoa; NXB khoa học xã hội, 2012.

[4.2.2]. Quỳnh Thiên; Ngữ pháp tiếng Trung hiện đại; NXB Đại học Quốc Gia Hà nội, 2011.

[4.2.3]. 吕叔相《现代汉语八百词》, 商务印书馆 2005.

[4.2.4]. 梅家驹《现代汉语常用词典》, 汉语大词典出版社, 1999

5. Nội dung kế hoạch dạy học

Thời lượng: 60 tiết; 05 Tiết/bài

| Thời lượng | Nội dung | PPDH và PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu | Phương pháp KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên | KQ cần đạt |
|------------|---|--|--|--|
| 05 tiết | <p>Bài 51: 把吸尘器送给我</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp:</p> <p>+ Câu chữ 一把</p> <p>+ Danh từ lặp lại</p> <p>3. Bài khóa: Đưa cho tôi cái máy hút bụi</p> <p>4. Bài tập</p> | <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Câu chữ</p> <p>—把 và Danh từ lặp lại</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề về ngày tết.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề dọn dẹp nhà cửa đón tết.</p> | <p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề ngày tết, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ</p> | <p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại và viết đoạn văn nói về việc đưa đồ cho bạn, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p> |

| | | | | |
|-----------------------|---|---|---|--|
| <p>05 tiết</p> | <p>Bài 52: 我的腿被自行车撞伤了</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Biểu thị ý nghĩa bị động—Câu chữ—被 + Phó từ —又</p> <p>3. Bài khóa: Chân tôi bị xe đạp đâm vào</p> <p>4. Bài tập</p> | <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Biểu thị ý nghĩa bị động -Câu chữ—被 và Phó từ—又</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video học câu bị động.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề bị đâm xe.</p> | <p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của sinh viên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn kể về 1 lần đi du lịch, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p> | <p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại và viết đoạn văn kể về 1 vụ tai nạn, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p> |
| <p>05 tiết</p> | <p>Bài 53: 有困难找民警</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Câu phức không sử dụng liên từ; + Số lượng từ lặp lại; + Bồ ngữ trạng thái</p> <p>3. Bài khóa: Nếu có khó khăn thì tìm cảnh sát</p> <p>4. Bài tập</p> | <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Câu phức không sử dụng liên từ; Số lượng từ lặp lại; Bồ ngữ trạng thái.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về việc cảnh sát giúp người dân.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề cảnh sát giúp người bị nạn.</p> | <p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của sinh viên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói về đặc điểm ngôn ngữ tiếng TQ, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p> | <p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại và viết đoạn văn bản về 1 tình huống khó khăn được cảnh sát giúp đỡ, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p> |

| | | | | |
|-----------------------|--|---|---|--|
| <p>05 tiết</p> | <p>Bài 54: 助人为乐 1. Từ mới 2. Ngữ pháp: Ôn tập các ngữ pháp đã học 3. Bài khóa: Lấy việc giúp người làm niềm vui. 4. Bài tập</p> | <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và ôn tập lại các vấn đề ngữ pháp đã học. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về người tốt việc tốt. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề kể về 1 lần làm việc tốt.</p> | <p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói quan điểm của bản thân về hạnh phúc, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p> | <p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại và viết đoạn văn nêu quan điểm của bản thân về việc giúp người khác, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p> |
| <p>05 tiết</p> | <p>Ôn tập – Kiểm tra giữa kỳ - SV làm Bài kiểm tra giữa kỳ viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. - SV thuyết trình nhóm các chủ đề đã học theo sự phân công của giảng viên.</p> | <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công. - Sinh viên làm bài KTGK và thuyết trình nhóm theo nhiệm vụ được phân công</p> | <p>- Hình thức KTĐGTX: Cho sinh viên ôn tập các dạng bài tập có sử dụng các từ vựng, ngữ pháp đã học. SV làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công. - KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra.</p> | <p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học để hoàn thành tốt bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ, sử dụng kiến thức tiếng TQ và ứng dụng kiến thức CNTT cơ bản vào môn học để tham gia thuyết trình các chủ đề được giáo viên giao.</p> |

| | | | | |
|-----------------------|--|--|---|---|
| <p>05 tiết</p> | <p>Bài 55: 京剧我看得懂 但是听不懂</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Bồ ngữ khả năng</p> <p>3. Bài khóa: Kinh kịch tôi xem hiểu nhưng nghe không hiểu</p> <p>4. Bài tập</p> | <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Bồ ngữ khả năng.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về kinh kịch.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về kinh kịch</p> | <p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn về kinh kịch, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p> | <p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại và viết đoạn văn nêu quan điểm của bản thân về môn nghệ thuật kinh kịch của Trung Quốc, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p> |
| <p>05 tiết</p> | <p>Bài 56: : 山这么高 你爬得上去吗 ?</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Bồ ngữ khả năng; + Bồ ngữ trạng thái; + Kết cấu —只要...就...!</p> <p>3. Bài khóa: Núi cao như vậy, bạn có leo lên được không?</p> <p>4. Bài tập</p> | <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Bồ ngữ khả năng; Bồ ngữ trạng thái; Kết cấu —只要....就—</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video sử dụng BNKN, BNNT.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về đi leo núi, biểu diễn tiết mục văn nghệ.</p> | <p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nêu quan điểm của bản thân về niềm tin và trách nhiệm, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p> | <p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại và viết đoạn văn nêu quan điểm của bản thân về 1 lần leo núi, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p> |

| | | | | |
|-----------------------|---|---|--|--|
| <p>05 tiết</p> | <p>Bài 57: 我想起来了</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp: + Biểu đạt kết quả của động tác - Cách dùng nghĩa mở rộng của BNXH; + Kết cấu —只有...才...!</p> <p>3. Bài khóa: Tôi nghĩ ra rồi 4. Bài tập</p> | <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Biểu đạt kết quả của động tác - Cách dùng nghĩa mở rộng của BNXH; Kết cấu —只有...才.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video có sử dụng cách dùng nghĩa mở rộng của BNXH.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do hai người bạn cũ gặp lại nhau/thầy trò cũ gặp lại nhau.</p> | <p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói lên cảm nhận của bản thân về nội dung bài khóa, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p> | <p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại và viết đoạn văn kể các câu chuyện đã quên và bây giờ mới nhớ lại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p> |
| <p>05 tiết</p> | <p>Bài 58: 寒假打算去哪儿旅行?</p> <p>1. Từ mới</p> <p>2. Ngữ pháp + Phương thức sử dụng linh hoạt ĐTNV; + Kết cấu —一边...一边—; —除了...以外, 都还... ;-先....再又...然后.. ..最后—</p> <p>3. Bài khóa: Kỳ nghỉ đông bạn định đi du lịch ở đâu? 4. Bài tập</p> | <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Phương thức sử dụng linh hoạt đại từ nghi vấn; Kết cấu —一边...一边— -除了...以外, 都还...! ;-先....再又...然后... ..最后—</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về kỳ nghỉ đông.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do nói về dự định đi du lịch trong kỳ nghỉ đông.</p> | <p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn nói lên cảm nhận của bản thân về nội dung bài khóa, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ.</p> | <p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại và viết đoạn văn kể các câu chuyện ngắn về dự định đi du lịch, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p> |

| | | | | |
|---------------------------|--|---|--|--|
| <p>05 tiết</p> | <p>Bài 59: 吉利的数字 1. Từ mới 2. Ngữ pháp + Câu phản vấn; + Kết cấu —连...也都.. + Hai lần phủ định. 3. Bài khóa: Con số may mắn 4. Bài tập</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và các vấn đề ngữ pháp về Câu phản vấn; Kết cấu —连...也都.. ; Hai lần phủ định. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video chủ đề về ý nghĩa văn hóa của con số. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại tự do chủ đề ý nghĩa của các con số | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề về nâng cao bản thân, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ. | <ul style="list-style-type: none"> - SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại và viết đoạn văn kể về con số may mắn, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc. |
| <p>05 tiết</p> | <p>Bài 60: 学会用筷子 1. Từ mới 2. Ngữ pháp Ôn tập ngữ pháp đã học 3. Bài khóa: Học cách dùng đũa 4. Bài tập</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, hỏi đáp, hướng dẫn từ vựng; đọc, dịch bài khóa và ôn tập lại các vấn đề ngữ pháp đã học. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu tranh ảnh/video về văn hóa dùng đũa. - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, sử dụng thẻ từ vựng - tranh ảnh, đàm thoại, đóng vai, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, phân vai đàm thoại, luyện thực hành hội thoại chủ đề về văn hóa Trung Quốc. | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Kiểm tra từ vựng, sử dụng được các vấn đề ngữ pháp đã học để đặt câu; Luyện đọc, dịch, thuật lại bài khóa; quay video, viết đoạn văn ngắn chủ đề ở hiện gặp lạnh, làm bài tập trong sách và bài tập bổ trợ. | <ul style="list-style-type: none"> - SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại và viết đoạn văn kể về cách học dùng đũa, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc. |

| | | | | |
|----------------------------------|---|--|---|---|
| <p>05 tiết</p> | <p>Ôn tập Sinh viên làm bài tập và thuyết trình nhóm các chủ đề đã học theo sự phân công của giảng viên.</p> | | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập thuyết trình nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Cho sinh viên ôn tập các dạng bài tập có sử dụng các từ vựng, ngữ pháp đã học. SV làm slide thuyết trình theo các chủ đề được phân công. | <p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học để có thể giao tiếp thành thạo bằng tiếng TQ, giải quyết các dạng bài tập đã được học trong học phần. Đồng thời sử dụng kiến thức tiếng TQ và ứng dụng kiến thức CNTT cơ bản vào môn học để tham gia thuyết trình các chủ đề được giáo viên phân công nhiệm vụ.</p> |
|----------------------------------|---|--|---|---|

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

| Phân loại | Phương pháp đánh giá | Tỷ trọng | Chuẩn đầu ra | | | | | | | | | |
|-------------------|--------------------------------|----------|--------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| | | | a1 | a2 | b1 | b2 | b3 | b4 | c1 | c2 | c3 | c4 |
| Quá trình | ĐG1. Trắc nghiệm +Tự luận | 25% | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| | ĐG2. Trắc nghiệm +Tự luận | 25% | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Kết thúc học phần | ĐG3. Bài thi kết thúc học phần | 50% | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| <i>Tổng cộng:</i> | | 100% | | | | | | | | | | |

8. Hoạt động đánh giá

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2 Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: kiểm tra trắc nghiệm+ tự luận
- Mô tả bài đánh giá 1 tập trung kiểm tra kiến thức ngữ âm và chữ Hán của sinh viên thông qua kỹ năng nghe, đọc, viết từ bài 51 đến 55 bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận ở cấp độ HSK4:

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2 Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: kiểm tra trắc nghiệm+ tự luận
- Mô tả bài đánh giá: bài đánh giá 2 kiểm tra phát âm, khả năng sử dụng từ ngữ, cấu trúc câu đã học từ bài 56 đến bài 60

8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm + tự luận + Vấn đáp
- Mục đích:
 - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của người học
 - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp trong giao tiếp ở cấp độ HSK4
 - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
 - o Đánh giá khả năng làm việc nhóm.

Thi vấn đáp gồm 2 phần:

Phần 1: trả lời 5 câu hỏi của giao viên về 1 trong các chủ đề đã học

Phần 2: Người học sẽ bốc thăm và nói trong vòng 2 phút về chủ đề đã học

Phần thi viết:

- Bài thi gồm 2 phần trắc nghiệm + Tự luận kiểm tra kiến thức từ vựng +ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết

Chuẩn đầu ra: a1;a2;b1;b2; b3; b4; c1; c2; c3; c4

8.4. Ma trận đánh giá

| Tiêu chí đánh giá | Khung điểm | | | | |
|---|--------------|------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------|
| | A | B | C | D | F |
| | 8,5 ÷ 10 | 7,0 ÷ 8,4 | 5,5 ÷ 6,9 | 4,0 ÷ 5,4 | < 4,0 |
| a1: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu; giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên v.v.; | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |

| Tiêu chí đánh giá | Khung điểm | | | | |
|--|--------------|------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------|
| | A | B | C | D | F |
| | 8,5 ÷ 10 | 7,0 ÷ 8,4 | 5,5 ÷ 6,9 | 4,0 ÷ 5,4 | < 4,0 |
| hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn. | | | | | |
| a2: Sử dụng thành thạo cả bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 4 | Sử dụng tốt | Sử dụng khá tốt | Sử dụng ở mức trung bình | Sử dụng ở mức hạn chế | Sử dụng rất hạn chế |
| b1: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| b2: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| b3: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| b4: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin ở mức độ cơ bản. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| c2: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| c3: Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| c4: Tôn trọng thầy cô và bạn bè. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá. Thái độ làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, biết quản lý, sắp xếp thời gian để hoàn thành công việc đúng hạn, chịu được áp lực công việc và đảm bảo chất lượng công việc.. | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |

8.5. Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{\text{ĐG1} \times 25 + \text{ĐG2} \times 25 + \text{ĐG3} \times 50}{100}$$

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):

Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:

+ bàn ghế, phân bảng, đèn, quạt, điều hòa

+ projector

+ Loa, Đài cassette

+ Lớp học không quá 35 sinh viên

- Yêu cầu đối với sinh viên:

+ Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.

+ Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

+ Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).

+ Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học

+ Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia xây dựng bài

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ

+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học

+ Làm bài tập đầy đủ trước khi đến lớp

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

An toàn lớp học. An toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn. Chống bạo lực học đường.

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng năm 2023
Người biên soạn

TS. Trần Thị Ngọc Liên

Tổ Tiếng Trung